

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2025

V/v tranh chấp xác định cha cho
con, tranh chấp nuôi con và cấp
dưỡng nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ông Nguyễn Văn Lem.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 507/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp xác định cha cho con, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: 3, N, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để nộp và nhận văn bản tố tụng: Chị Nguyễn Thị Diễm Q, sinh năm 2002 và anh Ngô Nhật T1, sinh năm 1995; cùng địa chỉ liên hệ: 118E3, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Nguyễn Thị M và luật sư Nguyễn Văn T2 – thuộc Công ty L Chi nhánh M3.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: 512, ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nộp và nhận văn bản tố tụng:
Anh Trần Quang K, sinh năm 1996; địa chỉ liên hệ: A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Quang C, sinh năm 1981; nơi cư trú: A, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông T, bà H, ông C, luật sư T2 và luật sư M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2024, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 15/10/2024, bản tự khai ngày 06/11/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 07/12/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Vào năm 2015, ông gặp gỡ, quen biết và có quan hệ tình cảm với bà Phạm Thị Tuyết H. Sau một thời gian quan hệ tình cảm thì bà H sinh 01 người con gái tên Phạm Nguyễn Hải M1, sinh ngày 28/8/2015 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp, số 196 ngày 04/4/2016. Ba năm sau, bà H tiếp tục sinh thêm người con gái thứ 2 tên Phạm Nguyễn Hải M2, sinh ngày 21/5/2018 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp, số 551 ngày 08/10/2018. Sau đó, bà H đã đưa 02 con về sinh sống tại địa chỉ 512, ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông đã đưa cháu M1 và cháu M2 đi giám định huyết thống. Theo kết quả giám định do Chi nhánh Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp đã xác định, ông có quan hệ huyết thống cha – con với cháu M1 và cháu M2. Do đó, ông yêu cầu Tòa án xác định ông là cha của cháu M1 và cháu M2.

Ông đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu M1 và cháu M2, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 82.500.000 (T3 mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng; phương thức cấp dưỡng mỗi năm 1 lần vào ngày 01 tháng 01 hàng năm để đảm bảo cho bà H đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi trưởng thành. Số tiền cấp dưỡng nuôi con này hoàn toàn được trích từ thu nhập hàng tháng của ông, không liên quan đến bất kỳ nguồn thu hay sự hỗ trợ của cá nhân nào khác. Trong trường hợp chi phí học tập của cháu M1 và cháu M2 tăng thì ông sẽ gửi thêm chi phí cấp dưỡng cho bà H để nuôi 02 con.

Vì lý do cá nhân, công việc bận rộn, ông không thể sắp xếp trực tiếp tham gia các phiên họp, phiên tòa nên ông xin vắng mặt trong vụ án.

Theo bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, văn bản trình bày ý kiến ngày 02/12/2024, bị đơn bà Phạm Thị Tuyết H trình bày:

Vào năm 2015, bà gặp gỡ, quen biết và có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Xuân T. Sau một thời gian quan hệ tình cảm thì bà sinh 02 người con gái tên Phạm Nguyễn Hải M1, sinh ngày 28/8/2015 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp, số 196 ngày 04/4/2016 và Phạm Nguyễn Hải M2, sinh ngày 21/5/2018 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp, số 551 ngày 08/10/2018. Cả 02 con hiện nay đang sống cùng bà tại địa chỉ 512, ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trong thời gian quen biết với ông Nguyễn Xuân T bà đã ly hôn với ông Lê Quang C và đến nay bà cũng chưa đăng ký kết hôn với ai.

Tại kết quả giám định do Chi nhánh Viện Công nghệ A và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định ông T có quan hệ huyết thống cha – con với cháu M1 và cháu M2. Nay ông T yêu cầu Tòa án xác định ông T là cha của cháu M1 và cháu M2 thì bà đồng ý.

Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M1 và cháu M2. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi 02 con mà ông T đưa ra.

Vì lý do cá nhân, công việc bận rộn, bà không thể sắp xếp trực tiếp tham gia các phiên họp, phiên tòa nên bà xin vắng mặt trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông C.

Tại phiên bản luận cứ về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Nguyễn Văn T2 phát biểu ý kiến:

Tại kết quả giám định số 2539PA/24/DNA ngày 18/7/2024 của Chi nhánh Viện Công nghệ A và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông .T có quan hệ huyết thống cha - con với cháu M1 và cháu M2; theo khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T yêu cầu Tòa án xác định ông là cha của cháu M1 và cháu M2 là phù hợp. Nhằm đảm bảo cho cháu M1 và cháu M2 có điều kiện sống, học tập và phát triển toàn diện, ông T đã đề xuất mức cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 82.500.000 đồng; phương thức cấp dưỡng mỗi năm 1 lần vào ngày 01 tháng 01 hàng năm là phù hợp theo Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Xuân T với bà Phạm Thị Tuyết H là tranh chấp xác định cha cho và cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn bà H cư trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông C vắng mặt không lý do; ông T, bà H và 02 vị luật sư xin vắng mặt trong vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Xem xét yêu cầu xác định cha cho con của ông T:

[2.1] Đối với cháu Phạm Nguyễn Hải M1: Xét thấy rằng, ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị Tuyết H cùng thừa nhận ông bà có quan hệ tình cảm từ năm 2015 và bà H mang thai cháu Phạm Nguyễn Hải M1 khi bà H chưa ly hôn với ông Lê Quang C. Bà H và ông C đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 71/2015/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Giấy khai sinh của cháu Phạm Nguyễn Hải M1, sinh ngày 28/8/2015 (theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp, số 196 ngày 04/4/2016) bà H đã để trống phần họ tên người cha. Mặc dù khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Con sinh do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng ...”* và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến của ông C về vụ án. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN số 2539PA/24/DNA ngày 18/7/2024 của Chi nhánh Viện Công nghệ A và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông T có quan hệ huyết thống cha - con với Phạm Nguyễn Hải M1, độ tin cậy > 99,9999%. Như vậy, có căn cứ xác định ông T là cha đẻ của cháu M1.

[2.2] Đối với cháu Phạm Nguyễn Hải M2: Ông T và bà H cùng thừa nhận ông bà còn quan hệ tình cảm và đến năm 2018, bà H tục sinh thêm người con gái thứ 2 tên Phạm Nguyễn Hải M2, sinh ngày 21/5/2018 (theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp, số 551 ngày 08/10/2018); phần họ tên người cha bà H cũng để trống. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 203/UBND-XNTTHN ngày 27/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre thì tại thời điểm bà H sinh cháu M2 thì bà H chưa đăng ký kết hôn với ai. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN số 2539PA/24/DNA ngày 18/7/2024 của Chi nhánh Viện Công nghệ A và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông T có quan hệ huyết thống cha - con với Phạm Nguyễn Hải M2, độ tin cậy > 99,9999%. Do đó, có căn cứ xác định ông T là cha đẻ của cháu M2.

[3] Xem xét về yêu cầu nuôi con của ông T:

Xét thấy, cháu M1 và cháu M2 hiện nay đang sống cùng bà H. Ông T và bà H cùng thống nhất thỏa thuận, ông T giao cho bà H được trực tiếp nuôi cháu M1 và cháu M2; xét thỏa thuận này của ông T và bà H phù hợp theo nguyện vọng của cháu M1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho bà H được trực tiếp nuôi cháu M1 và cháu M2.

[4] Xem xét về cấp dưỡng nuôi con của ông T:

Ông Thành đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 82.500.000 (T3 mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng; phương thức cấp dưỡng mỗi năm 1 lần vào ngày 01 tháng 01 hàng năm để đảm bảo cho bà H đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi trưởng thành. Ông T cam kết số tiền cấp dưỡng nuôi con này hoàn toàn được trích từ thu nhập hàng tháng của ông, không liên quan đến bất kỳ nguồn thu hay sự hỗ trợ của cá nhân nào khác. Bà H đồng ý với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng của ông T. Xét thỏa thuận này của ông T và bà H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của vị luật sư là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 101, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T.

Xác định ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970; căn cước công dân số 001070013334 là cha đẻ của 02 cháu:

1.1. Cháu Phạm Nguyễn Hải M1, sinh ngày 28/8/2015 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp số 196 ngày 04/4/2016;

1.2. Cháu Phạm Nguyễn Hải M2, sinh ngày 21/5/2018 theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ cấp số 551 ngày 08/10/2018.

Ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị Tuyết H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cải chính hộ tịch cho cháu Phạm Nguyễn Hải M1 và cháu Phạm Nguyễn Hải M2 theo quy định của pháp luật.

2. Giao con chung tên cháu Phạm Nguyễn Hải M1 và cháu Phạm Nguyễn Hải M2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Ông Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M1 và cháu M2 cho bà Phạm Thị Tuyết H mỗi tháng là 82.500.000 (T3 mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng/ 02 con; phương thức cấp dưỡng: mỗi năm cấp dưỡng 1 lần vào ngày 01 tháng 01 hàng năm; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M1 và cháu M2 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và ông T còn phải nộp số tiền này.

5. Ông T, bà H và ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền